

TP.HCM, ngày 25 tháng 6 năm 2025.

Số: 609 /PCTT-VPĐK-ĐK

PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI
14 HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
TẠI DỰ ÁN KHU PHỨC HỢP SÀI GÒN BA SON

Kính gửi: Đội Thuế Quận 1

I. THÔNG TIN VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI 1.1. Mã hồ sơ: (theo danh sách đính kèm 14 hồ sơ) 1.2. Ngày nhận hồ sơ: ngày 21 tháng 11 năm 2024
II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT 2.1. Tên: (theo danh sách đính kèm 14 hồ sơ) Bên chuyển nhượng: Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Phát triển Thiên Niên Kỷ Bên nhận chuyển nhượng: 2.2. Địa chỉ: /. 2.3. Số điện thoại liên hệ:..... Email (nếu có):..... 2.4. Mã số thuế (nếu có):..... 2.5. Giấy tờ nhân thân/pháp nhân: -/- 2.6. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: cấp Giấy chứng nhận tại dự án phát triển nhà ở.
III. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT 3.1. Thông tin về đất (theo danh sách đính kèm 14 hồ sơ) 3.1.1. Thửa đất số;; Tờ bản đồ số;; 3.1.2. Địa chỉ tại: Khu trung tâm phức hợp Sài Gòn Ba Son (Vinhomes Golden River), số 2 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. 3.1.3. Vị trí theo Bảng giá đất:

- Đường/đoạn đường/khu vực: đường Nguyễn Hữu Cánh (từ Nguyễn Bình Khiêm đến Cầu Thị Nghè 2);

- Vị trí thửa đất: 02.

- Chiều sâu của thửa đất (nếu có):.....m.

- Chiều rộng của ngõ/hẻm (nếu có):.....m.

3.1.4 Diện tích thửa đất: m²

- Diện tích sử dụng chung: m²

- Diện tích sử dụng riêng: -/- m²

- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: -/- m²

- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất (tiền thuê đất):.....m²

- Diện tích đất trong hạn mức:.....m²

- Diện tích đất ngoài hạn mức:.....m²

3.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

3.1.6. Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị.

3.1.7. Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài

3.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày: /;

3.1.9. Giá đất: theo Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về Bảng giá đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3.1.10. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT57095 ngày 15 tháng 09 năm 2016, số CT55402 ngày 29 tháng 4 năm 2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường 9 (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) cấp.

3.2. Thông tin về tài sản gắn liền với đất (theo danh sách đính kèm 14 hồ sơ)

3.2.1. Loại nhà ở, công trình: ; cấp hạng nhà ở, công trình: /;

3.2.2. Diện tích sàn xây dựng: m²;

3.2.3. Diện tích sử dụng: m²;

3.2.4. Hình thức sở hữu: sở hữu chung;

3.2.5. Số tầng: Tòa A1: 50 tầng + 3 hầm; Tòa A2: 50 tầng + 3 hầm; Tòa A3: 42 tầng + 3 hầm; Tòa A4: 36 tầng + 3 hầm; Tòa L6: 50 tầng + 3 hầm; trong đó, số tầng nổi: -/-, số tầng hầm: -/-;

Kết cấu: tường gạch, khung sàn BTCT, mái BTCT;

Năm hoàn công: 2018.

3.2.6. Nguồn gốc: -/- ;

3.2.7. Thời hạn sở hữu đến: -/- năm;

IV. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO DO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT NỘP

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT57095 ngày 15 tháng 09 năm 2016, số CT55402 ngày 29 tháng 4 năm 2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) cấp;

- Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư, Phụ lục Hợp đồng, Văn bản chuyển nhượng Hợp đồng mua bán (nếu có).

- Bản vẽ sơ đồ căn hộ chung cư.

- Biên bản bàn giao nhà ở.

- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất.

Ghi chú: Công ty TNHH TMĐT và Phát triển Thiên Niên Kỷ và người mua cung cấp thêm các chứng từ liên quan (nếu có) để Đội Thuế xác định nghĩa vụ tài chính cho các bên theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD Sở NN&MT (để báo cáo);
- Trung tâm CNTT (để đăng tin);
- Công ty Thiên Niên Kỷ (thực hiện);
- Ông (Bà) theo danh sách (thực hiện);
- Lưu: VT, ĐK.Đ.

BN 602/24 (14hs)

92732

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Thân Thế Hùng



DANH SÁCH 14 HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ GIẤY CHỨNG NHẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Định kèm Phiếu chuyển số:/PCTT-VPĐK-DK ngày 21/6/2025
của Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố

STT	Số biên nhận	Ngày nhận hồ sơ	Họ và tên Khách hàng	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích đất	Hình thức sử dụng	Mã căn	Căn hộ theo cấp số nhà	Diện tích sử dụng (m2)	Diện tích xây dựng	Hình thức sở hữu	Loại căn hộ	Năm hoàn công	Giá trị hóa đơn
1	593	21/11/2024	Ông KIM YOUNGHO Năm sinh: 1968; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ chiếu số: M95421423; Ngày cấp: 23/05/2017; Nơi cấp: Hàn Quốc Bà KIM JAEKYUNG Năm sinh: 1972; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ chiếu số: M14544836; Ngày cấp: 31/03/2017; Nơi cấp: Hàn Quốc	216	46	15492.2	Sử dụng chung	A10912	A1-9.04 (Tầng 10)	73.1	80	Sở hữu chung	Căn hộ ở	2018	7,741,188,116
2	594	21/11/2024	Ông MIN SANGKI Năm sinh: 1973; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ chiếu số: M78670162; Ngày cấp: 01/02/2018; Nơi cấp: Hàn Quốc Bà JUNG YOUSUN Năm sinh: 1974; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ chiếu số: M90816280; Ngày cấp: 02/02/2018; Nơi cấp: Hàn Quốc	216	46	15492.2	Sử dụng chung	A14812B	A1-48.01 (Tầng 49)	62.4	68.6	Sở hữu chung	Căn hộ ở	2018	6,889,643,932
3	595	21/11/2024	Ông YOON JIN SIK Năm sinh: 1961; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ chiếu số: M018G5003; Ngày cấp: 08/07/2024; Nơi cấp: Hàn Quốc Bà LEE EON JOO Năm sinh: 1964; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ chiếu số: M61988025; Ngày cấp: 08/04/2020; Nơi cấp: Hàn Quốc	216	46	15492.2	Sử dụng chung	A23002	A2-30.07 (Tầng 31)	91.5	98.9	Sở hữu chung	Căn hộ ở	2018	9,688,903,684
4	596	21/11/2024	Ông LIEW FRANK CHEE KONG Năm sinh: 1953; Quốc tịch: Canada Hộ chiếu số: HH361517; Ngày cấp: 07/07/2016; Nơi cấp: Canada Bà LIEW GRACE SU FUN Năm sinh: 1955; Quốc tịch: Canada Hộ chiếu số: HH361518; Ngày cấp: 07/07/2016; Nơi cấp: Canada	216	46	15492.2	Sử dụng chung	A31203	A3-12.04 (Tầng 12A)	73.4	80	Sở hữu chung	Căn hộ ở	2018	8,302,747,007
5	597	21/11/2024	Ông JUN HYUN HO Năm sinh: 1965; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ chiếu số: M97195188; Ngày cấp: 04/04/2018; Nơi cấp: Hàn Quốc Bà JI JUNG WON Năm sinh: 1970; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ chiếu số: M135M7964; Ngày cấp: 03/01/2022; Nơi cấp: Hàn Quốc	216	46	15492.2	Sử dụng chung	A31610	A3-16.11 (Tầng 17)	71.9	78.5	Sở hữu chung	Căn hộ ở	2018	8,755,577,978
6	598	21/11/2024	Bà KANG JUNG HEE Năm sinh: 1968; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ chiếu số: M07553670; Ngày cấp: 14/11/2018; Nơi cấp: Hàn Quốc	216	46	15492.2	Sử dụng chung	A32103	A3-21.04 (Tầng 22)	73.6	80	Sở hữu riêng	Căn hộ ở	2018	8,501,326,805

Handwritten signature/initials.

7	599	21/11/2024	Ông H SUNGKYU Năm sinh: 1963; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ chiếu số: M04515828; Ngày cấp: 05/06/2018; Nơi cấp: Hàn Quốc Bà KANG JUNGHEE Năm sinh: 1968; Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ chiếu số: M07553670; Ngày cấp: 14/11/2018; Nơi cấp: Hàn Quốc	216	46	15492.2	Sử dụng chung	A34010	A3-40.10 (tầng 41)	79.8	87	Số hưu chung	Căn hộ ở	2018	7,674,176,246
8	600	21/11/2024	Bà TRANVAN JACQUELINE Năm sinh: 1990; Quốc tịch: Hoa Kỳ Hộ chiếu số: 565623128; Ngày cấp: 15/09/2017; Nơi cấp: Hoa Kỳ	216	46	15492.2	Sử dụng chung	A34104	A3-41.05 (tầng 42)	65.7	71.9	Số hưu riêng	Căn hộ ở	2018	7,334,909,233
9	601	21/11/2024	Ông WANG, CHAO - CHIN Năm sinh: 1974; Quốc tịch: Đài Loan Hộ chiếu số: 331376682; Ngày cấp: 13/11/2018; Nơi cấp: Đài Loan	216	46	15492.2	Sử dụng chung	A40806	A4-8.04 (tầng 9)	45	49.5	Số hưu riêng	Căn hộ ở	2018	5,333,430,762
10	602	21/11/2024	Ông CHANG, KUO - HUA Năm sinh: 1955; Quốc tịch: Đài Loan Hộ chiếu số: 364274227; Ngày cấp: 27/10/2023; Nơi cấp: Đài Loan Bà YANG, MEI-CHEN Năm sinh: 1959; Quốc tịch: Đài Loan Hộ chiếu số: 350851285; Ngày cấp: 04/07/2018; Nơi cấp: Đài Loan	252	46	3785	Sử dụng chung	L60808	L6-8.07 (tầng 9)	102.4	110.7	Số hưu chung	Căn hộ ở	2018	10,124,574,220
11	604	21/11/2024	Ông CHANG, KUO - HUA Năm sinh: 1955; Quốc tịch: Đài Loan Hộ chiếu số: 364274227; Ngày cấp: 27/10/2023; Nơi cấp: Đài Loan Bà YANG, MEI-CHEN Năm sinh: 1959; Quốc tịch: Đài Loan Hộ chiếu số: 350851285; Ngày cấp: 04/07/2018; Nơi cấp: Đài Loan	252	46	3785	Sử dụng chung	L61108	L6-11.07 (tầng 12)	102.4	110.7	Số hưu chung	Căn hộ ở	2018	10,008,194,973
12	605	21/11/2024	Ông CHANG, KUO - HUA Năm sinh: 1955; Quốc tịch: Đài Loan Hộ chiếu số: 364274227; Ngày cấp: 27/10/2023; Nơi cấp: Đài Loan Bà YANG, MEI-CHEN Năm sinh: 1959; Quốc tịch: Đài Loan Hộ chiếu số: 350851285; Ngày cấp: 04/07/2018; Nơi cấp: Đài Loan	252	46	3785	Sử dụng chung	L64308	L6-43.07 (tầng 44)	103.3	110.7	Số hưu chung	Căn hộ ở	2018	10,187,513,655
13	606	21/11/2024	Ông CHANG, KUO - HUA Năm sinh: 1955; Quốc tịch: Đài Loan Hộ chiếu số: 364274227; Ngày cấp: 27/10/2023; Nơi cấp: Đài Loan Bà YANG, MEI-CHEN Năm sinh: 1959; Quốc tịch: Đài Loan Hộ chiếu số: 350851285; Ngày cấp: 04/07/2018; Nơi cấp: Đài Loan	252	46	3785	Sử dụng chung	L64508	L6-45.07 (tầng 46)	103.4	110.7	Số hưu chung	Căn hộ ở	2018	10,202,612,818
14	607	21/11/2024	Ông CHANG, KUO - HUA Năm sinh: 1955; Quốc tịch: Đài Loan Hộ chiếu số: 364274227; Ngày cấp: 27/10/2023; Nơi cấp: Đài Loan Bà YANG, MEI-CHEN Năm sinh: 1959; Quốc tịch: Đài Loan Hộ chiếu số: 350851285; Ngày cấp: 04/07/2018; Nơi cấp: Đài Loan	252	46	3785	Sử dụng chung	L64708	L6-47.07 (tầng 48)	103.4	110.7	Số hưu chung	Căn hộ ở	2018	10,200,079,107

✓
46/2